

Trần Đề, ngày 25 tháng 01 năm 2021

Số: 19/2021/QĐST-HNGĐ,

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 274/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Trương Vạn Ng, sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp Ch, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Vạn Ng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Vạn Ng đều thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Vạn Ng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, do Ủy ban nhân dân xã Trung Bình, huyện Long Phú (Nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/5/2002 chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2.2 Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Q và ông Ng có 02 người con chung tên là Trương Hoàng S, sinh ngày 05/02/2003 và Trương Kim S, sinh ngày 20/10/2005.

Ông Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 05/02/2003 và Trương Kim S, sinh ngày 20/10/2005 cho đến khi cháu S và cháu S thành niên. Bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà Q, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Hai đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q thống nhất nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng bà Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005764 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền thừa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Ông Trương Vạn Ng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Trung Bình;
- P. KTNV&THA (TAND tỉnh Sóc Trăng);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên

